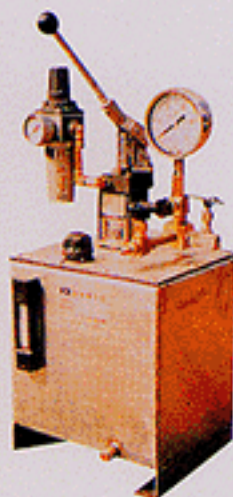


\* AIR, PUMP 구동 압력 : 1~7 kg/cm<sup>2</sup> 최대 8.5 kg/cm<sup>2</sup>  
 \* 유체 : OIL, 물, 경유, 석유, 기타 액체

\* TANK 규격 : 300L×300H×350W 30L or 60L(변경가능)  
 \* 수동 PUMP의 작동도 가능함 (주문사양)



▲ KHW-188T



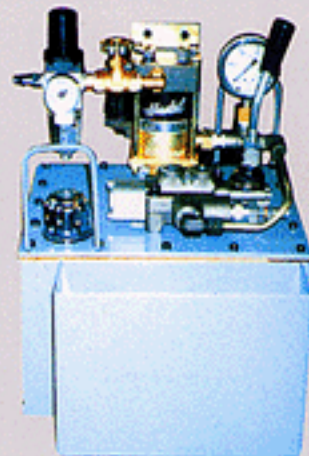
▲ KHW-71T



▲ KHW-36T

### 1/3 HP SERIES

MODEL	사 양 (SPEC.)				
OIL & WATER 공용	OIL 용	최대압력 MAX.Pressure (kg/cm <sup>2</sup> )	상용압력 Working Pressure (kg/cm <sup>2</sup> )	최대토출량 MAX.Flow (l/min)	상용토출량 Working Flow (l/min)
KHW - 5T	KHB - 5T	43	5~35	10.5	8.1
KHW - 7T	KHB - 7T	62	7~50	8.0	5.9
KHW - 12T	KHB - 12T	103	12~80	4.3	3.5
KHW - 21T	KHB - 21T	179	21~150	2.5	1.8
KHW - 36T	KHB - 36T	310	36~250	1.6	1.2
KHW - 71T	KHB - 71T	607	71~500	0.8	0.6
KHW - 110T	KHB-110T	931	110~770	0.5	0.4
KHW - 188T	KHB-188T	1600	188~1300	0.32	0.22



▲ KHB-21T

### 3/4 HP SERIES

MODEL	사 양 (SPEC.)			
OIL & WATER 공용	최대압력 MAX.Pressure (kg/cm <sup>2</sup> )	상용압력 Working Pressure (kg/cm <sup>2</sup> )	최대토출량 MAX.Flow (l/min)	상용토출량 Working Flow (l/min)
KHW - 4B - 14T	103	14~90	8.4	8.2
KHW - 4B - 21T	159	21~140	5.7	5.6
KHW - 4B - 25T	186	25~170	5.0	4.9
KHW - 4B - 30T	221	30~210	4.0	4.0
KHW - 4B - 37T	262	37~260	3.4	3.28
KHW - 4B - 55T	414	55~385	2.1	2.0
KHW - 4B - 75T	538	75~525	1.64	1.6
KHW - 4B - 100T	731	100~700	1.15	1.1
KHW - 4B - 150T	1034	150~1000	0.8	0.8



▲ KHW-4B-14T

※ 특수사양 주문 제작 가능함. 당사 문의 바람.